

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Hà Nội - Tháng 02 năm 2010

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính	8 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tasco đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tasco (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0703000015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp ngày 26 tháng 12 năm 2000, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 15 tháng 11 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 27 tháng 7 năm 2007. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do chuyển trụ sở chính lên Hà Nội số 0103021321 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/12/2007, thay đổi lần thứ 6 ngày 27/8/2010. Vốn điều lệ của Công ty là 349.976.000.000 đồng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Quang Dũng	Chủ tịch
Bà Đỗ Kim Định	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Thúy	Ủy viên
Ông Phạm Văn Lương	Ủy viên
Ông Trần Xuân Lưỡng	Ủy viên
Ông Vũ Quang Lâm	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Đoàn	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc

Ông Phạm Văn Lương	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Việt Cường	Giám đốc Chất lượng
Ông Vũ Quang Lâm	Giám đốc Đầu tư phát triển hạ tầng
Ông Nguyễn Đình Siêu	Giám đốc Đầu tư phát triển nhà
Ông Bùi Trọng Tĩnh	Giám đốc Kỹ thuật
Ông Trần Minh Quang	Giám đốc Kỹ thuật thi công
Ông Hồ Trọng Vinh	Giám đốc Công nghệ Thông tin
Ông Trần Ngọc Thăng	Giám đốc Marketing
Ông Nguyễn Hồng Thắng	Giám đốc Tài chính

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Phạm Văn Lương

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2011

Số: 93/2011/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
Về Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty Cổ phần Tasco

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tasco**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính chủ yếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty Cổ phần Tasco (gọi tắt là “Công ty”) từ trang 04 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Nguyễn Phú Hà
Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0389/KTV
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.
Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2010

Đinh Văn Thắng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1147/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		1.103.563.764.613	616.676.953.365
I- Tiền	110		79.918.871.489	153.911.317.912
1. Tiền	111	5.1	28.615.371.489	140.024.317.912
2. Các khoản tương đương tiền	112	5.1	51.303.500.000	13.887.000.000
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		83.017.324.103	26.250.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	83.017.324.103	26.250.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		699.173.659.443	319.463.629.055
1. Phải thu khách hàng	131		331.814.333.825	168.087.171.324
2. Trả trước cho người bán	132		343.994.056.075	110.870.178.878
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	23.907.283.927	41.080.582.447
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(542.014.384)	(574.303.594)
IV- Hàng tồn kho	140		106.332.310.463	86.812.176.923
1. Hàng tồn kho	141	5.4	106.332.310.463	86.812.176.923
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		135.121.599.115	30.239.829.475
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		296.142.711	1.576.648.140
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		75.640.551.197	25.003.145.267
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.5	1.124.703.943	320.291.385
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	58.060.201.264	3.339.744.683
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		1.550.950.695.618	521.908.839.493
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	996.252.668
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	996.252.668
II Tài sản cố định	220		1.489.314.590.039	504.584.598.734
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	24.283.207.507	9.952.440.503
- Nguyên giá	222		36.687.179.863	27.759.970.635
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.403.972.356)	(17.807.530.132)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.8	2.204.809.627	4.375.508.717
- Nguyên giá	225		3.696.827.727	8.373.270.945
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.492.018.100)	(3.997.762.228)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	288.610.039	419.461.673
- Nguyên giá	228		601.639.888	654.032.088
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(313.029.849)	(234.570.415)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.10	1.462.537.962.866	489.837.187.841
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		59.161.532.980	15.368.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.11	40.541.532.980	9.558.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.12	11.440.000.000	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.12	7.180.000.000	5.810.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.474.572.599	959.988.091
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.791.457.632	897.988.091
3. Tài sản dài hạn khác	268		683.114.967	62.000.000
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		2.654.514.460.231	1.138.585.792.858

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		2.181.266.844.864	983.327.245.570
I- Nợ ngắn hạn	310		1.076.954.487.324	583.848.076.484
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.13	383.809.238.736	218.559.801.413
2. Phải trả người bán	312		30.491.979.857	45.847.493.662
3. Người mua trả tiền trước	313		169.620.662.851	191.226.831.901
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.14	5.688.403.133	4.912.137.622
5. Phải trả người lao động	315		2.438.381.304	2.084.349.251
6. Chi phí phải trả	316	5.15	33.066.013.540	17.812.191.911
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.16	450.920.967.698	103.303.099.658
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		918.840.205	102.171.066
II- Nợ dài hạn	330		1.104.312.357.540	399.479.169.086
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.17	420.138.750.000	62.500.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.18	683.303.351.328	336.792.252.411
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		184.662.675	186.916.675
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		685.593.537	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+ 430)	400		473.247.615.367	155.258.547.288
I- Vốn chủ sở hữu	410		473.247.615.367	155.258.547.288
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.19	349.976.000.000	135.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	5.19	72.292.032.987	8.337.500.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	5.19	6.013.460.624	3.180.063.519
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	5.19	2.496.467.914	1.788.123.689
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.19	42.469.653.842	6.952.860.080
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		2.654.514.460.231	1.138.585.792.858

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
1. Tài sản thuê ngoài	2.103.739.050	2.103.739.050
4. Nợ khó đòi đã xử lý	459.575.032	362.768.042

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2011

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Thị Ngọc

Phạm Thị Nhân

Phạm Văn Lương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.20	750.646.443.726	465.444.821.502
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.20	7.147.234.879	1.219.099.912
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.20	743.499.208.847	464.225.721.590
4. Giá vốn hàng bán	11	5.21	654.880.553.664	426.571.775.494
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		88.618.655.183	37.653.946.096
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.22	19.697.965.813	3.263.257.112
7. Chi phí tài chính	22	5.23	8.510.364.111	7.223.017.679
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>7.685.364.111</i>	<i>7.223.017.679</i>
8. Chi phí bán hàng	24		6.126.206.976	3.230.552.316
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		26.966.776.263	17.261.324.250
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		66.713.273.646	13.202.308.963
11. Thu nhập khác	31	5.24	97.152.611.315	7.538.043.534
12. Chi phí khác	32	5.24	73.636.079.175	2.377.698.481
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.24	23.516.532.140	5.160.345.053
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		90.229.805.786	18.362.654.016
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.25	16.310.151.943	2.937.038.661
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		73.919.653.843	15.425.615.355
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.26	3.778	2.339

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2011

Tổng Giám đốc

Lê Thị Ngọc

Phạm Thị Nhân

Phạm Văn Lương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	90.229.805.786	18.362.654.016
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	4.008.649.675	3.908.629.476
- Các khoản dự phòng	03	(34.543.210)	7.461.446
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(44.285.153.973)	(416.671.565)
- Chi phí lãi vay	06	7.685.364.111	7.223.017.679
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	57.604.122.389	29.085.091.052
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(422.496.611.236)	(206.899.961.686)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(19.520.133.540)	(30.313.982.442)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	655.282.309.844	325.502.077.872
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	301.309.885	49.112.661
- Tiền lãi vay đã trả	13	(7.685.364.111)	(6.984.048.768)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(13.644.508.720)	(605.836.481)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(7.045.884.356)	(1.575.227.158)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	242.795.240.155	108.257.225.050
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.031.176.743.341)	(468.195.699.801)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	8.091.101.948	5.624.394.886
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	10.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(25.603.532.980)	(8.400.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	19.637.742.671	4.161.667.112
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.080.478.755.805)	(466.809.637.803)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	278.930.532.987	55.080.520.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.176.697.938.313	691.135.763.868
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(663.418.289.743)	(270.360.926.641)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(1.519.112.330)	(2.132.955.286)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(27.000.000.000)	(12.100.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	763.691.069.227	461.622.401.941
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(73.992.446.423)	103.069.989.188
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	153.911.317.912	50.841.328.724
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	79.918.871.489	153.911.317.912

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2011

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Thị Ngọc

Phạm Thị Nhân

Phạm Văn Lương

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tasco được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0703000015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp ngày 26 tháng 12 năm 2000, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 15 tháng 11 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 27 tháng 7 năm 2007. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do chuyển trụ sở chính lên Hà Nội số 0103021321 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/12/2007, thay đổi lần thứ 6 ngày 27/8/2010. Vốn điều lệ của Công ty là 349.976.000.000 đồng.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô thị	4.524.480	45.244.800.000	13%
Cổ đông khác	28.242.582	282.425.820.000	81%
Ông Phạm Quang Dũng	2.230.538	22.305.380.000	6%
Tổng	34.997.600	349.976.000.000	100%

Công ty được cấp Giấy phép niêm yết Cổ phiếu theo Quyết định số 125/QĐ-TTGDHN ngày 04/4/2008 do Giám đốc Trung tâm giao dịch Chứng khoán Hà Nội ký, chấp thuận niêm yết cổ phiếu cho Công ty Cổ phần Tasco. Ngày 04/4/2008, Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội) với mã cổ phiếu là HUT.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 33, Tòa nhà M5, số 91 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Số lao động bình quân: 266 người.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, san lấp mặt bằng;
- Xây lắp điện, nước;
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- Tư vấn giám sát công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi (doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đủ năng lực theo quy định của pháp luật);
- Dịch vụ thử nghiệm vật liệu xây dựng, thử nghiệm kiểm tra chất lượng các công trình xây dựng;
- Mua bán, cho thuê, xuất nhập khẩu máy móc thiết bị;
- Dịch vụ du lịch, nhà hàng, ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Kinh doanh phát triển nhà ở, kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng;
- Dịch vụ thu gom và xử lý rác thải, sản xuất các chế phẩm sau rác;
- Mua bán, ươm trồng cây xanh đô thị;
- Tu bổ, tôn tạo, phục hồi, phục dựng di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh;
- Xây dựng các công trình điện (nhiệt điện, thủy điện);
- Sản xuất điện;
- Đại lý bán điện;
- Kinh doanh, khai thác công trình kết cấu hạ tầng;
- Tư vấn và kinh doanh các dịch vụ về công nghệ môi trường (không bao gồm tư vấn tài chính và tư vấn pháp luật);
- Kinh doanh bãi đỗ xe và gara.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, san lấp mặt bằng, kinh doanh phát triển nhà ở, kinh doanh bất động sản.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan khác tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán đã được ban hành và có hiệu lực có liên quan đến việc soạn lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Không có Chuẩn mực kế toán mới nào lần đầu tiên áp dụng trong năm tài chính 2010.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được kế toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền. Các công trình xây dựng được tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Năm 2010

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Thiết bị văn phòng	03 - 06
Phương tiện vận tải	05 - 09

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

Số năm

Máy móc, thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải	03 - 06

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Tài sản cố định vô hình và khấu hao*****Quyền sử dụng đất***

Tài sản cố định vô hình Quyền sử dụng đất là Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn tại số 20 Điện Biên, TP. Nam Định, tỉnh Nam Định. Quyền sử dụng đất được phân bổ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Phần mềm kế toán và phần mềm quản lý

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, khấu hao được thể hiện theo phương pháp đường thẳng.

Đầu tư vào các công ty con

Đầu tư vào Công ty con là khoản đầu tư mà thông qua đó, bên đầu tư nắm giữ quyền kiểm soát đối với bên nhận đầu tư. Phần vốn góp của Công ty mẹ vào Công ty con được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính của Công ty mẹ. Các khoản lợi nhuận từ hoạt động của công ty con được ghi nhận trong Báo cáo của Công ty mẹ khi có quyết định chính thức về việc phân chia lợi nhuận của Hội đồng Quản trị (hoặc Đại hội cổ đông) công ty con.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 2 đến 3 năm.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty hoặc Đại hội cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. .

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Việc xác định doanh thu của Hợp đồng xây dựng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và các yếu tố không chắc chắn được giải quyết.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	932.157.849	240.505.122
Tiền gửi ngân hàng	25.183.213.640	139.783.812.790
Tiền đang chuyển	2.500.000.000	-
Các khoản tương đương tiền	51.303.500.000	13.887.000.000
Tổng	79.918.871.489	153.911.317.912

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

5.2 Đầu tư ngắn hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	40.864.032.703	26.250.000.000
Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	30.153.291.400	-
Công ty CP Tasco Xuân Ngọc	12.000.000.000	-
Tổng	83.017.324.103	26.250.000.000

5.3 Các khoản phải thu khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	2.239.000.000	898.410.000
Phải thu khác	21.668.283.927	40.182.172.447
- <i>Vốn đã phát hành thu qua Trung tâm lưu ký chứng khoán</i>	-	33.256.980.000
- <i>Ban Quản lý Dự án huyện Từ Liêm</i>	14.216.577.000	1.400.000.000
- <i>Phải thu khác</i>	7.451.706.927	5.525.192.447
Tổng	23.907.283.927	41.080.582.447

5.4 Hàng tồn kho

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	-	1.626.265.332
Công cụ, dụng cụ	523.170.046	883.555.765
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	105.809.140.417	84.302.355.826
Tổng	106.332.310.463	86.812.176.923

5.5 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	734.304.443	-
Các khoản khác phải thu Nhà nước	390.399.500	320.291.385
Tổng	1.124.703.943	320.291.385

5.6 Tài sản ngắn hạn khác

Số dư tài sản ngắn hạn khác tại 31/12/2010 của Công ty là giá trị tạm ứng của các đội thi công công trình trong Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

Mẫu B09 - DN

5.7 Tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2010	8.502.674.618	10.192.621.229	6.905.259.300	1.516.144.776	643.270.712	27.759.970.635
Tăng trong năm	15.113.211.614	6.713.508.523	5.351.502.609	2.207.928.578	110.200.000	29.496.351.324
Mua trong năm	12.272.727.272	416.852.000	1.593.281.410	2.207.928.578	110.200.000	16.600.989.260
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	918.222.019	3.758.221.199	-	-	4.676.443.218
ĐTXDCB hoàn thành	2.840.484.342	-	-	-	-	2.840.484.342
Điều chuyển, phân loại lại	-	5.378.434.504	-	-	-	5.378.434.504
Giảm trong năm	2.224.227.992	11.758.115.238	5.456.497.664	376.830.490	753.470.712	20.569.142.096
Thanh lý, nhượng bán	-	11.758.115.238	3.852.719.592	224.576.785	-	15.835.411.615
Điều chuyển, phân loại lại	2.224.227.992	-	1.603.778.072	152.253.705	753.470.712	4.733.730.481
Số dư tại 31/12/2010	21.391.658.240	5.148.014.514	6.800.264.245	3.347.242.864	-	36.687.179.863
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2010	4.171.678.827	9.060.201.326	3.076.649.703	916.026.553	582.973.723	17.807.530.132
Tăng trong năm	957.761.039	3.301.294.650	3.098.340.233	544.371.338	14.717.901	7.916.485.160
Khấu hao trong năm	957.761.039	618.391.764	815.108.226	544.371.338	14.717.901	2.950.350.268
Tăng do mua lại TS thuê tài chính	-	1.172.564.764	2.280.418.661	-	-	3.452.983.425
Điều chuyển, phân loại lại	-	1.510.338.122	2.813.345	-	-	1.513.151.467
Giảm trong năm	596.836.506	8.030.726.477	3.886.105.025	208.683.304	597.691.624	13.320.042.936
Thanh lý, nhượng bán	-	8.030.726.477	3.335.146.554	85.698.973	-	11.451.572.004
Điều chuyển, phân loại lại	596.836.506	-	550.958.471	122.984.331	597.691.624	1.868.470.932
Số dư tại 31/12/2010	4.532.603.360	4.330.769.499	2.288.884.910	1.251.714.587	-	12.403.972.356
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2010	4.330.995.791	1.132.419.903	3.828.609.597	600.118.223	60.296.989	9.952.440.503
Tại 31/12/2010	16.859.054.880	817.245.015	4.511.379.335	2.095.528.277	-	24.283.207.507

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ B09 - DN

5.8 Tài sản cố định thuê tài chính*Đơn vị tính: VND*

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2010	2.089.650.590	6.283.620.355	8.373.270.945
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	918.222.019	3.758.221.199	4.676.443.218
Mua lại tài sản thuê tài chính	918.222.019	3.758.221.199	4.676.443.218
Số dư tại 31/12/2010	1.171.428.571	2.525.399.156	3.696.827.727
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2010	967.678.260	3.030.083.968	3.997.762.228
Tăng trong năm	390.463.748	556.775.549	947.239.297
Khấu hao trong năm	390.463.748	556.775.549	947.239.297
Giảm trong năm	1.172.564.764	2.280.418.661	3.452.983.425
Mua lại tài sản thuê tài chính	1.172.564.764	2.280.418.661	3.452.983.425
Số dư tại 31/12/2010	185.577.244	1.306.440.856	1.492.018.100
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2010	1.121.972.330	3.253.536.387	4.375.508.717
Tại 31/12/2010	985.851.327	1.218.958.300	2.204.809.627

5.9 Tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2010	202.570.451	451.461.637	654.032.088
Tăng trong năm	-	47.300.000	47.300.000
Mua trong năm	-	47.300.000	47.300.000
Giảm trong năm	99.692.200	-	99.692.200
Giảm khác	99.692.200	-	99.692.200
Số dư tại 31/12/2010	102.878.251	498.761.637	601.639.888
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2010	44.856.024	189.714.391	234.570.415
Tăng trong năm	4.896.900	106.163.210	111.060.110
Khấu hao trong năm	4.896.900	106.163.210	111.060.110
Giảm trong năm	32.600.676	-	32.600.676
Giảm khác	32.600.676	-	32.600.676
Số dư tại 31/12/2010	17.152.248	295.877.601	313.029.849
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2010	157.714.427	261.747.246	419.461.673
Tại 31/12/2010	85.726.003	202.884.036	288.610.039

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B09 - DN

5.10 Xây dựng cơ bản dở dang

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Tại ngày 01 tháng 01	489.837.187.841	32.400.658.911
Phát sinh tăng trong năm	1.038.509.526.677	459.008.612.835
Giảm trong năm	65.808.751.652	1.572.083.905
- Tăng Tài sản cố định	2.840.484.342	-
- Bàn giao dự án	62.968.267.310	-
- Giảm khác	-	1.572.083.905
Tại ngày 31 tháng 12	1.462.537.962.866	489.837.187.841

Chi tiết công trình

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Dự án khu Pháp Vân	5.736.216.873	4.300.987.651
Dự án đầu tư BOT Quốc lộ 10	242.803.320.117	157.802.285.272
Dự án đầu tư BOT Quốc lộ 21	233.469.963.798	105.786.184.271
Dự án khu du lịch sinh thái Tasco	-	3.106.559.746
Dự án Xuân Phương	545.542.122.337	212.658.912.138
- Khu Đô thị mới Xuân Ngọc	348.759.371.275	82.332.297.116
- Đường Lê Đức Thọ	196.782.751.062	130.326.615.022
Dự án Đường tỉnh lộ 39	-	1.767.196.214
Dự án rác thải	1.848.690.817	1.848.690.817
Dự án thủy điện	1.616.199.622	1.616.199.622
Dự án Khu đô thị mới Vân Canh - Hoài Đức	425.344.278.317	-
Dự án Khu đất 48 Trần Duy Hưng	635.554.374	-
Dự án hiện đại hóa trạm thu phí Tân Đệ	4.786.786.408	147.627.273
Các dự án khác	754.830.203	802.544.837
Tổng	1.462.537.962.866	489.837.187.841

5.11 Đầu tư vào Công ty con

	31/12/2010		01/01/2010	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Du lịch Tasco	-	-	5.000	50.000.000
Công ty TNHH MTV Tasco 6	5.000	50.000.000	5.000	50.000.000
Công ty Cổ phần Tasco Thành Nam	306.000	3.060.000.000	131.800	1.318.000.000
Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	1.785.000	17.850.000.000	31.000	310.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Tasco	1.785.000	17.850.000.000	255.000	2.550.000.000
Công ty Cổ phần Tasco Thủ đô	173.153	1.731.532.980	-	-
Công ty Cổ phần Thành Công 1	-	-	105.000	1.050.000.000
Công ty Cổ phần Thành Công 2	-	-	224.000	2.240.000.000
Công ty Cổ phần Thành Công 3	-	-	66.000	660.000.000
Công ty Cổ phần Thành Công 5	-	-	133.000	1.330.000.000
Tổng	4.054.153	40.541.532.980	955.800	9.558.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

5.11 Đầu tư vào Công ty con (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết về Công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Vốn điều lệ (tr đồng)	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Tasco Thành Nam	Hà Nội	6.000	51,00%	Xây lắp
2	Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	Thái Bình	35.000	51,00%	Xây lắp
3	Công ty TNHH MTV Tasco 6	Nam Định	50	100,00%	Thu phí đường bộ
4	Công ty Cổ phần Xây dựng Tasco	Nam Định	35.000	51,00%	Xây lắp
5	Công ty Cổ phần Tasco Thủ đô	Hà Nội	6.000	51,00%	KD, môi giới BĐS

5.12 Đầu tư vào Công ty liên kết, Đầu tư dài hạn khác**Đầu tư vào Công ty liên kết**

	31/12/2010	
	Số lượng	Giá trị
Công ty CP Tasco Xuân Ngọc	180.000	1.800.000.000
Công ty CP Tasco Thăng Long	180.000	1.800.000.000
Công ty CP Tasco 10	353.000	3.530.000.000
Công ty CP Tasco 3	66.000	660.000.000
Công ty CP Tasco Trường Phát	224.000	2.240.000.000
Công ty CP ĐT và XD Trường Giang	36.000	360.000.000
Công ty CP ĐT và XD Tiến Phát	105.000	1.050.000.000
Tổng	1.144.000	11.440.000.000

Thông tin chi tiết về Công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Vốn điều lệ (tr đồng)	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Hoạt động chính
1	Công ty CP Tasco Xuân Ngọc	Hà Nội	6.000	30,00%	Xây lắp
2	Công ty CP Tasco Thăng Long	Hà Nội	6.000	30,00%	Xây lắp
3	Công ty CP Tasco 10	Nam Định	12.000	29,42%	Xây lắp
4	Công ty CP Tasco 3	Nam Định	3.000	22,00%	Xây lắp
5	Công ty CP Tasco Trường Phát	Nam Định	7.790	28,75%	Xây lắp
6	Công ty CP ĐT và XD Trường Giang	Hà Nội	6.000	30,00%	Xây lắp
7	Công ty CP ĐT và XD Tiến Phát	Nam Định	5.000	21,00%	Xây lắp

Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2010		01/01/2010	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư trái phiếu	-	-	2	10.000.000
Đầu tư dài hạn khác	718.000	7.180.000.000	580.000	5.800.000.000
- Công ty CP Tasco Du lịch	5.000	50.000.000	-	-
- Cty CP Công nghệ Môi trường Xanh SERAPHIN	100.000	1.000.000.000	100.000	1.000.000.000
- Công ty CP ĐT PT Nhà và Đô thị HUD8	450.000	4.500.000.000	450.000	4.500.000.000
- Công ty cổ phần Xây dựng cầu TASCO	30.000	300.000.000	30.000	300.000.000
- Công ty Cổ phần TIC	133.000	1.330.000.000	-	-
Tổng	718.000	7.180.000.000	580.002	5.810.000.000

Trong đó: Giá trị đầu tư dài hạn khác Công ty góp vốn vào các Công ty khác với tỷ lệ cổ phần sở hữu dưới 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B09 - DN

5.13 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay ngắn hạn	376.583.393.447	216.883.440.856
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	76.141.928.184	139.751.789.569
- CN Nam Định		
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội	67.752.824.001	49.475.459.287
- Công ty Cổ phần Thành Công 5	5.000.000.000	27.000.000.000
- Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội	77.823.641.262	-
- Ngân hàng TMCP Dầu khí - CN Thăng Long	11.515.000.000	-
- Vay đối tượng khác	138.350.000.000	656.192.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	7.225.845.289	1.676.360.557
Tổng	383.809.238.736	218.559.801.413

Trong đó:

Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định theo Công văn số 1392/TB-QHKH2 ngày 18/06/2010 của Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định, mức dư nợ ngắn hạn tối đa là 126.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi sáu tỷ). Giới hạn tín dụng được duy trì đến ngày 30/05/2011. Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể có thời hạn dưới 1 năm, lãi suất cho vay xác định trong từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng theo từng thời kỳ. Các hợp đồng vay này được đảm bảo bằng tài sản của Công ty.

Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng hạn mức năm 2010 số 01/2010/HĐTD ngày 17/06/2010, mức dư nợ tối đa là 140.000.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi tỷ đồng). Giới hạn tín dụng được duy trì kể từ ngày ký đến ngày 30/05/2011. Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể có thời hạn dưới 1 năm, lãi suất cho vay xác định trong từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng theo từng thời kỳ. Các hợp đồng vay này được đảm bảo bằng tài sản của Công ty và các hình thức khác theo yêu cầu của ngân hàng.

Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội (ABBANK) theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 50.10/HĐTD/II.20 ngày 26/4/2010, mức dư nợ tối đa là 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng). Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay của mỗi món vay được ghi trên giấy nhận nợ không quá 10 tháng. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo quy định của ABBANK, điều chỉnh 3 tháng/lần, quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ tại thời điểm nhận nợ. Biện pháp đảm bảo nghĩa vụ trả nợ vay: Công ty cam kết cầm cố/thế chấp cho ngân hàng quyền phải thu từ các hợp đồng thi công xây dựng các công trình được ABBANK chấp thuận.

Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Dầu khí - Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0022/HĐTDHM-GPBT/LG/10 ngày 29/12/2010, mức dư nợ tối đa là 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng). Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động. Lãi suất cho vay áp dụng lãi suất thả nổi, thay đổi 01 tháng/1 lần vào ngày 10 hàng tháng và được xác định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Biện pháp đảm bảo nghĩa vụ trả nợ vay: Công ty thế chấp các khoản phải thu/quyền đòi nợ khách hàng của Công ty; toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Công ty tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác; các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và các đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B09 - DN

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	1.238.104.329
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.602.702.090	2.937.058.867
Thuế thu nhập cá nhân	85.701.043	51.948.252
Các loại thuế khác	-	685.026.174
Tổng	5.688.403.133	4.912.137.622

5.15 Chi phí phải trả

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Trích trước chi phí giá vốn dịch vụ thu phí đường bộ	26.302.976.181	17.573.223.000
Trích trước chi phí giá vốn Khu đô thị Xuân Phương	5.124.276.211	-
Chi phí phải trả khác	1.638.761.148	238.968.911
Tổng	33.066.013.540	17.812.191.911

Năm 2010, Công ty tạm trích trước chi phí khi tính thu nhập chịu thuế TNDN của 2 Trạm thu phí Tân Đệ và Mỹ Lộc theo Công văn số 18169/BTC-CST ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính.

5.16 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	507.934.542	193.784.319
Bảo hiểm xã hội	-	77.215.132
Bảo hiểm y tế	-	12.566.873
Các khoản phải trả, phải nộp khác	450.413.033.156	103.019.533.334
- <i>Đội thi công công trình đầu tư XD cơ bản dở dang</i>	<i>27.416.694.848</i>	<i>50.964.050.788</i>
- <i>Đội thi công công trình chi phí sản xuất kinh doanh dở dang</i>	<i>29.316.008.931</i>	<i>41.468.471.205</i>
- <i>Tiền góp vốn các dự án</i>	<i>370.085.358.000</i>	-
- <i>Các khoản khác</i>	<i>23.594.971.377</i>	<i>5.184.831.101</i>
Tổng	450.920.967.698	103.303.099.658

5.17 Phải trả dài hạn khác

Số dư Phải trả dài hạn khác tại ngày 31/12/2010 của Công ty là giá trị mà Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Hà Việt góp vốn liên doanh theo Hợp đồng liên doanh số 19/2009/TASCO-HA VIET về việc Đầu tư tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ đến Khu đô thị mới Xuân Phương (điểm cuối giao với đường 70) theo hình thức Xây dựng - chuyển giao (BT). Tổng mức đầu tư tạm tính là 1.349 tỷ đồng. Tỷ lệ giá trị đầu tư là Công ty Cổ phần Tasco chiếm 70%, Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Hà Việt 30%. Ngoài ra, Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Hà Việt là nhà đầu tư thứ phát của Công ty Cổ phần Tasco tại tuyến đường này với giá trị 195 tỷ đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B09 - DN

5.18 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay dài hạn	482.412.838.741	334.482.260.519
Vay ngân hàng	482.412.838.741	321.146.902.519
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Nam Định	14.145.173.218	1.350.000.000
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Nam Hà Nội	16.546.780.182	9.582.297.182
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh Nam Định	302.971.111.111	183.500.000.000
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch I	147.637.734.230	126.277.125.337
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	312.440.000	437.480.000
- Ngân hàng TMCP Dầu khí - CN Thăng Long	479.000.000	-
- Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội	320.600.000	-
Vay các cá nhân	-	13.335.358.000
Trái phiếu phát hành	200.000.000.000	-
Nợ dài hạn	890.512.587	2.309.991.892
Thuê tài chính	890.512.587	2.309.991.892
Tổng	683.303.351.328	336.792.252.411

Trong đó:

Các khoản vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh Nam Định:

- Hợp đồng số 11/2008/HĐTDĐT tháng 9 năm 2009, số tiền vay tối đa 255.000.000.000 đồng, thời hạn vay 12 năm, thời gian ân hạn tối đa 36 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án, mục đích sử dụng tiền vay thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng tuyến tránh thành phố Nam Định từ thị trấn Mỹ Lộc đến Quốc lộ 10, lãi suất theo quy định tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng.
- Hợp đồng số 10/2008/HĐTDĐT ngày 20/8/2008, số tiền vay tối đa 236.780.000.000 đồng, thời hạn vay 15 năm, thời gian trả nợ gốc 13 năm, thời gian ân hạn 2 năm kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án, mục đích sử dụng tiền vay thực hiện dự án: Cải tạo, nâng cấp quốc lộ 10 (Km92+900-Km 98+400) đoạn từ cầu La Uyên đi cầu Tân Đệ - huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình theo hình thức BOT, lãi suất theo quy định tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng.

Khoản vay Ngân hàng Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh Nam Hà Nội:

- Hợp đồng số 01/2008/HĐTDTH ngày 19/11/2008, số tiền vay tạm tính (gồm cả tiền Việt Nam và ngoại tệ quy đổi) 33.820.000.000 đồng, thời hạn vay 7 năm, thời gian trả nợ gốc 5 năm, thời gian ân hạn 2 năm kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án, mục đích sử dụng tiền vay : " Cải tạo, nâng cấp quốc lộ 10 (Km92+900-Km 98+400) đoạn từ cầu La Uyên đi cầu Tân Đệ - huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình", lãi suất 03 tháng đầu tiên 15,8%/năm, lãi suất thay đổi 03 tháng một lần. Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2008/HĐTDTH ngày 19/11/2008, trong đó ghi: sửa đổi điều kiện rút vốn vay, điều khoản trả nợ gốc.

5.18 Vay và nợ dài hạn (Tiếp theo)

- *Hợp đồng số 01/2010/HĐTDTH ngày 25/06/2010, số tiền vay 74.396.000.000 đồng (gồm cả VND và ngoại tệ quy đổi), thời hạn vay 46 tháng, thời gian ân hạn 22 tháng kể từ ngày rút vốn vay đầu tiên nhưng tối đa không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay để thực hiện dự án: Xây dựng tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ (điểm cuối giao với đường 70) theo hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) số 68/HĐBT giữa UBND Huyện Từ Liêm và Công ty Cổ phần Tasco. Lãi suất vay áp dụng lãi suất thỏa thuận cho vay thả nổi điều chỉnh 3 tháng/lần, lãi suất cho vay áp dụng tại thời điểm nhận nợ vay là 14%/năm, lãi suất cho vay các kỳ tiếp theo theo thông báo lãi suất trung dài hạn của Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội tại thời điểm điều chỉnh.*

Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch I theo hợp đồng số 01/2009 ngày 27/3/2009, số tiền vay tạm tính 570.000.000.000 đồng, thời hạn vay 46 tháng, mục đích sử dụng tiền vay: "Đầu tư tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ đến Khu đô thị mới Xuân Phương (điểm cuối giao với đường 70)", lãi suất 6,9%/năm, lãi suất quá hạn 10,35%.

Kế hoạch trả nợ của các khoản vay dài hạn chưa xác định cụ thể do các khoản vay mới phát sinh, đang trong thời gian ân hạn và phụ thuộc vào tiến độ giải ngân thực tế của dự án.

Trái phiếu phát hành: Số lượng 200.000 trái phiếu chuyển đổi mệnh giá 1.000.000 đồng/trái phiếu. Mục đích: Đầu tư vào các dự án Dự án đơn vị ở số 3 và đơn vị ở số 2 - Khu đô thị mới Xuân Phương: 120 tỷ đồng; Dự án khu nhà ở Báo Nhân dân và Văn phòng Trung ương đảng: 60 tỷ đồng; Bổ sung vốn lưu động: 20 tỷ đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

5.19 Vốn chủ sở hữu**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	<i>Đơn vị tính: VND</i> Tổng
Số dư tại 01/01/2010	55.000.000.000	-	1.507.408.951	1.374.179.771	8.244.437.469	66.126.026.191
Tăng trong năm	80.000.000.000	8.337.500.000	1.672.654.568	413.943.918	15.425.615.355	105.849.713.841
Tăng vốn	80.000.000.000	8.337.500.000	-	-	-	88.337.500.000
Phân phối lợi nhuận	-	-	1.672.654.568	413.943.918	-	2.086.598.486
Lãi	-	-	-	-	15.425.615.355	15.425.615.355
Giảm trong năm	-	-	-	-	16.717.192.744	16.717.192.744
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	16.703.148.119	16.703.148.119
Giảm khác	-	-	-	-	14.044.625	14.044.625
Số dư tại 31/12/2009	135.000.000.000	8.337.500.000	3.180.063.519	1.788.123.689	6.952.860.080	155.258.547.288
Số dư tại 01/01/2010	135.000.000.000	8.337.500.000	3.180.063.519	1.788.123.689	6.952.860.080	155.258.547.288
Tăng trong năm	214.976.000.000	63.954.532.987	2.833.397.105	708.344.225	73.919.653.843	356.391.928.160
Tăng vốn	214.976.000.000	63.954.532.987	-	-	-	278.930.532.987
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.833.397.105	708.344.225	-	3.541.741.330
Lãi	-	-	-	-	73.919.653.843	73.919.653.843
Giảm trong năm	-	-	-	-	38.402.860.081	38.402.860.081
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	38.402.860.081	38.402.860.081
Số dư tại 31/12/2010	349.976.000.000	72.292.032.987	6.013.460.624	2.496.467.914	42.469.653.842	473.247.615.367

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B09 - DN

5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô thị	45.244.800.000	17.622.400.000
Vốn góp của cổ đông khác	282.425.820.000	109.804.600.000
Ông Phạm Quang Dũng	22.305.380.000	7.573.000.000
Tổng	349.976.000.000	135.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu kỳ	135.000.000.000	55.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	214.976.000.000	80.000.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	349.976.000.000	135.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	27.000.000.000	12.100.000.000

d. Cổ phiếu

	Năm 2010	Năm 2009
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.497.600	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.497.600	8.000.000
Cổ phiếu phổ thông	21.497.600	8.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	34.997.600	13.500.000
Cổ phiếu phổ thông	34.997.600	13.500.000

5.20 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	-	3.754.864.566
Doanh thu cung cấp dịch vụ	39.585.196.956	23.076.765.069
Doanh thu hoạt động xây dựng	655.769.399.315	438.613.191.867
Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản	55.291.847.455	-
Tổng:	750.646.443.726	465.444.821.502
Các khoản giảm trừ	7.147.234.879	1.219.099.912
Giảm giá hàng bán	7.147.234.879	1.219.099.912
Doanh thu thuần	743.499.208.847	464.225.721.590

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B09 - DN

5.21 Giá vốn hàng bán

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	2.928.409.083
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	16.023.853.305	18.387.438.770
Giá vốn của hoạt động xây dựng	608.066.397.243	405.255.927.641
Giá vốn hoạt động kinh doanh bất động sản	30.790.303.116	-
Tổng	654.880.553.664	426.571.775.494

5.22 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	17.319.542.671	2.364.847.112
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.318.200.000	898.410.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	60.223.142	-
Tổng	19.697.965.813	3.263.257.112

5.23 Chi phí tài chính

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí lãi vay	7.685.364.111	7.223.017.679
Chi phí hoạt động tài chính khác	825.000.000	-
Tổng	8.510.364.111	7.223.017.679

5.24 Lợi nhuận khác

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Thu nhập khác		
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	5.501.250.913	5.624.394.886
Bàn giao dự án đầu tư	62.968.267.310	-
Đánh giá lại tài sản góp vốn	23.530.000.000	-
Thu nhập khác	5.153.093.092	1.913.648.648
Tổng	97.152.611.315	7.538.043.534
Chi phí khác		
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý, góp vốn	4.383.839.611	1.247.962.754
Giá trị của dự án chuyển nhượng	62.968.267.310	-
Chi phí khác	6.283.972.254	1.129.735.727
Tổng	73.636.079.175	2.377.698.481
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	23.516.532.140	5.160.345.053

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

5.25 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	90.229.805.786	18.362.654.016
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	25.189.856.206	1.631.650.136
- Lợi nhuận từ dự án BOT (*)	22.871.656.206	733.240.136
- Cổ tức	2.318.200.000	898.410.000
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	200.658.192	51.689.324
Thu nhập chịu thuế	65.240.607.772	16.782.693.204
Thuế suất hiện hành	25%	25%
Tỷ lệ ưu đãi	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.310.151.943	2.937.038.661
Thuế thu nhập theo thuế suất thông thường	10.184.765.858	4.195.673.301
Thuế thu nhập chuyên quyền sử dụng đất	6.125.386.085	67.351
Thuế thu nhập được miễn giảm 30%	-	(1.258.701.991)
Thuế suất hiện hành	25%	28%
Thuế thu nhập hoãn lại	-	-
Tổng	16.310.151.943	2.937.038.661

(*) Lợi nhuận của Dự án BOT được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo Công văn số 3429/BTC-CST ngày 19/3/2010 của Bộ Tài chính.

5.26 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2010	Năm 2009
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	73.919.653.843	15.425.615.355
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông (VNI)	73.919.653.843	15.425.615.355
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	19.566.446	6.595.890
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	3.778	2.339

5.27 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	149.356.130.912	190.176.195.761
Chi phí nhân công	68.768.006.422	52.385.152.984
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.008.649.675	3.908.629.476
Chi phí dịch vụ mua ngoài	460.121.830.857	212.785.928.081
Chi phí khác bằng tiền	344.678.929.408	4.552.394.774
Tổng	1.026.933.547.274	463.808.301.076

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****Các giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2010	Năm 2009
Ông Phạm Quang Dũng	Chủ tịch HĐQT	Cho Công ty vay	4.000.000.000	4.000.000.000
Bà Đỗ Kim Định	Phó Chủ tịch	Cho Công ty vay	4.000.000.000	-
Ông Phạm Văn Lương	Ủy viên	Cho Công ty vay	3.600.000.000	3.000.000.000
Ông Vũ Quang Lâm	Ủy viên	Cho Công ty vay	3.500.000.000	1.600.000.000
Tổng	-	-	15.100.000.000	8.600.000.000
Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành		Lương và thù lao	3.394.585.523	2.164.559.777
Tổng	-	-	3.394.585.523	2.164.559.777

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2010	Năm 2009
Giao dịch mua hàng		183.378.514.452	196.056.961.766
Công ty Cổ phần Thành Công 1	Công ty con	-	33.400.881.213
Công ty Cổ phần Thành Công 2	Công ty con	-	24.508.462.328
Công ty Cổ phần Thành Công 3	Công ty con	-	12.520.804.112
Công ty Cổ phần Thành Công 5	Công ty con	-	55.889.448.775
Công ty Cổ phần Tasco Thành Nam	Công ty con	26.747.163.216	37.419.339.841
Công ty Cổ phần Du lịch Tasco	Công ty con	-	20.800.000
Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	Công ty con	13.910.773.636	163.636.368
Công ty Cổ phần Tasco 6	Công ty con	6.293.285.864	3.230.552.316
Công ty Cổ phần Xây dựng Tasco	Công ty con	136.427.291.736	28.903.036.813
Giao dịch bán hàng		60.834.847.037	22.656.906.154
Công ty Cổ phần Thành Công 1	Công ty con		251.703.816
Công ty Cổ phần Thành Công 2	Công ty con		357.440.874
Công ty Cổ phần Thành Công 3	Công ty con		35.436.164
Công ty Cổ phần Thành Công 5	Công ty con		208.998.889
Công ty Cổ phần Phương Tây	Công ty con		2.880.000
Công ty Cổ phần Du lịch Tasco	Công ty con		20.454.543
Công ty Cổ phần Tasco 6	Công ty con		21.537.015.455
Công ty Cổ phần Xây dựng Tasco	Công ty con	60.834.192.492	242.976.413

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B09 - DN

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**Số dư với các bên liên quan**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
1. Các khoản phải thu	110.926.724.982	77.937.225.886
<i>Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>30.153.291.400</i>	<i>-</i>
Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	30.153.291.400	
<i>Phải thu khách hàng</i>	<i>78.906.206.159</i>	<i>43.175.685</i>
Công ty Cổ phần Tasco Thành Nam	-	43.175.685
Công ty Cổ phần Tasco 6	889.873.002	2.947.109.452
Công ty Cổ phần Xây dựng Tasco	78.016.333.157	1.531.166.000
<i>Phải thu khác</i>	<i>1.867.227.423</i>	<i>451.466.321</i>
Công ty Cổ phần Tasco Thành Nam	367.200.000	158.160.000
Công ty Cổ phần Tasco 6	255.056.321	255.056.321
Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	1.244.971.102	38.250.000
2. Các khoản phải trả	3.628.203.645	5.597.512.665
<i>Phải trả người bán</i>	<i>3.628.203.645</i>	<i>4.371.059.400</i>
Công ty Cổ phần Xây dựng Tasco	3.628.203.645	4.371.059.400
<i>Phải trả khác</i>	<i>-</i>	<i>1.226.453.265</i>
Công ty Cổ phần Xây dựng Tasco	-	1.226.453.265

6.2 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

6.3 Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán. Một số khoản mục đã được trình bày, phân loại lại cho phù hợp với mục đích trình bày Báo cáo tài chính năm hiện tại.

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2011

Tổng Giám đốc

Lê Thị Ngọc

Phạm Thị Nhân

Phạm Văn Lương